

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 48, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 451/2020/TLST-VHNGĐ ngày 06/7/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông Vũ Trọng N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 293D P, Phường B, quận PN, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hường, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 293D P, Phường B, quận PN, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyền số 01 ngày 06/4/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

[2] Theo đơn thuận tình ly hôn ngày 02/7/2020 và bản tự khai ngày 10/7/2020, ông N và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung, có 02 con chung là Vũ Nguyễn Cát T, sinh ngày 24/10/2001 và Vũ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/7/2006. Ông N và bà H thỏa thuận giao con chung là Vũ Nguyễn Quốc Bảo cho bà Hường trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Ông N và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông N và bà H tự nguyện ly hôn, tự khai tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 10/7/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Nguyễn Cát T, sinh ngày 24/10/2001, đã thành niên và Vũ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/7/2006.

Sau khi ly hôn, ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận giao con chung Vũ Nguyễn Quốc B cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Vũ Nguyễn Quốc B đủ 18 tuổi; ông Vũ Trọng N cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng một tháng) cho đến khi Vũ Nguyễn Quốc B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H tự khai tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H tự khai không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019036 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Trọng N và bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận, TP HCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận, TP HCM;
- UBND thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Văn Thị Ngọc Mỹ